

Số: 846 /QĐ-SGDĐT

Kon Tum, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KON TUM

Căn cứ Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Thông báo số 4851/TB-STC ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài chính về việc chỉ tiêu hướng dẫn dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Công văn số 5149/STC-QLNS ngày 29/12/2023 của Sở Tài chính về phương án phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Thông báo số 27/STC-QLNS ngày 29/12/2022 của Sở Tài chính về việc thông báo dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, gồm có phụ lục tổng hợp và phụ lục chi tiết từng đơn vị kèm theo.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (p/h);
- KBNN tỉnh/huyện (p/h);
- Giám đốc Sở GD&ĐT;
- Các Phó GD Sở GD&ĐT (t/d);
- Đơn vị sử dụng ngân sách (t/h);
- Lưu: VT, KHTC_{TTS}.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Trung

PHỤ LỤC CHI TIẾT
DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị: Trường THPT Trần Quốc Tuấn

Mã số đơn vị SDNS: 1002685

Mã KBNN nơi giao dịch: 3017

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã phân loại dự toán	Mã CTMT	Chương-Loại-Khoản	Mã nguồn	Số tiền
A	B	1	2	3	4	5
I	Phân thu					2.305.000.000
1	Tổng thu sự nghiệp, thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục. Trong đó:					2.305.000.000
	-Kinh phí được trích thực hiện cải cách tiền lương					380.000.000
	-Kinh phí được trích bổ sung chi thường xuyên					570.000.000
II	Phân chi NSNN	01				12.381.000.000
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên			422-070-074		12.289.000.000
	- Kinh phí chi thường xuyên theo cơ cấu lương, chi khác				12	10.663.000.000
	- Kinh phí chi thực hiện cải cách tiền lương				14	1.626.000.000
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên			422-070-074		92.000.000
	- Kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở vùng có điều kiện KTXH ĐBKK theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP				12	32.000.000
	- Kinh phí hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP, và Nghị định 97/2023/NĐ-CP				12	60.000.000

TT	Đơn vị Nội dung	Tổng cộng	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường	Trường		
			Mầm Non THSP	Tiểu học THSP Ngụ Như Kon Tum	THCS - THSP Lý Tự Trọng	g PT-DTNT Sa Thầy	g PT-DTNT Đăk Tô	g PT-DTNT Kon Plong	g PT-DTNT Đăk Glei	g PT-DTNT Đăk Hà	g PT-DTNT Tu Mơ Rông	g PT-DTNT Kon Rẫy	THPT Kon Tum	THPT Lê Lợi	THPT Nguyễn Trãi	THPT Trần Quốc Tuấn	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT Duy Tân	THPT Nguyễn Du	g THPT Chu Văn An	g THPT Quang Trung	THPT Lương Thế Vinh	THPT Ngô Mây	g THPT Phan Chu Trinh	THPT Trường Chinh	g THPT Phan Bội Châu	PT-DTNT tỉnh	Phân hiệu trường PT DTNT tỉnh tại Ia H'Drai	Trung tâm GDTX tỉnh Kon Tum	Trường THCS-THPT Liên Việt K.Tum				
A	B		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29				
2	Dạy tăng cường, bồi dưỡng, ôn thi	18.122	-	-	1.287	-	-	-	-	-	-	118	3.306	1.222	1.185	1.243	1.320	906	1.985	712	196	528	-	744	-	836	316	-	-	-	-	2.218			
-	Chi mua hóa đơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	17.745	-	-	1.232	-	-	-	-	-	-	106	3.256	1.196	1.185	1.215	1.320	890	1.890	704	176	528	-	704	-	834	291	-	-	-	-	2.218			
-	Chi phí trực tiếp khác (nếu có)	377	-	-	55	-	-	-	-	-	-	12	50	26	-	28	-	16	95	8	20	-	-	40	-	2	25	-	-	-	-	-			
3	Trông giữ xe	579	-	-	16	-	-	-	-	-	-	-	85	42	-	60	64	21	90	44	-	-	-	16	-	34	18	-	-	9	-	81			
-	Chi mua hóa đơn	8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	549	-	-	16	-	-	-	-	-	-	-	85	40	-	60	64	18	65	44	-	-	-	16	-	33	18	-	-	9	-	81			
-	Chi phí trực tiếp khác (nếu có)	23	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-			
4	Bán trú	4.277	2.470	1.567	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	240			
-	Chi mua hóa đơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	3.826	2.200	1.446	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	180		
-	Chi phí trực tiếp khác (nếu có)	451	270	121	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60		
5	Năng khiếu, sinh hoạt câu lạc bộ	818	227	497	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	94		
-	Chi mua hóa đơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	741	220	432	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	89		
-	Chi phí trực tiếp khác (nếu có)	77	7	65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5		
6	Phí ăn sáng	190	190	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi mua hóa đơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	170	170	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi phí trực tiếp khác (nếu có)	20	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
7	Sân bóng	68	-	24	44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi mua hóa đơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	50	-	18	32	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi phí trực tiếp khác (nếu có)	17	-	5	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
8	Hồ bơi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi mua hóa đơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi phí trực tiếp khác (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Dạy tiếng Anh, Tin học, Bana	574	286	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	176	106		
-	Chi mua hóa đơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	546	283	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	166	91		
-	Chi phí trực tiếp khác (nếu có)	28	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	15	-		

TT	Đơn vị Nội dung	Tổng cộng	Trường																								Phân hiệu trường PT DTNT tỉnh tại Ia H'Drai	Trung tâm GDTX tỉnh Kon Tum	Trường THCS-THPT Liên Việt K.Tum		
			Mầm Non THSP	Tiểu học THSP Ngụ Như Kon Tum	THCS - THSP Lý Tự Trọng	g PT-DTNT Sa Thủy	g PT-DTNT Đăk Tô	PT-DTNT Kon Plong	g PT-DTNT Đăk Glei	g PT-DTNT Đăk Hà	g PT-DTNT Tu Mơ Rông	g PT-DTNT Kon Rẫy	THPT Kon Tum	THPT Lê Lợi	THPT Nguyễn Trãi	THPT Trần Quốc Tuấn	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT Duy Tân	THPT Nguyễn Du	g THPT Chu Văn An	g THPT Quang Trung	THPT Lương Thế Vinh	THPT Ngô Mỹ	g THPT Phan Chu Trinh	THPT Trường Chinh				g THPT Phan Bội Châu	PT-DTNT tỉnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	
10	Liên kết đào tạo	91	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	91	-	
-	Chi mua hóa đơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	87	-	
-	Chi phí trực tiếp khác (nếu có)	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-		
11	Dịch vụ VPP phục vụ kiểm tra định kỳ	263	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	83	41	-	-	140		
-	Chi mua hóa đơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	192	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	41	-	-	140		
-	Chi phí trực tiếp khác (nếu có)	71	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	71	-	-	-	-		
12	Dịch vụ dọn vệ sinh	208	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	68	-	-	-	140		
-	Chi mua hóa đơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	158	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	68	-	-	-	90		
-	Chi phí trực tiếp khác (giấy, dụng cụ dọn vệ sinh)	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50		
13	Dịch vụ thi nghề phổ thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi mua hóa đơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi phí trực tiếp khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
C	Số thu được để lại theo quy định (chênh lệch thu-chi)	11.980	345	134	1.425	113	196	439	127	98	78	69	1.807	280	440	950	535	276	465	692	69	199	157	850	118	573	101	551	39	134	721
I	Trích tạo nguồn CCTL theo quy định	4.792	138	54	570	45	78	176	51	39	31	27	723	112	176	380	214	110	186	277	27	80	63	340	47	229	40	220	16	54	288
II	Bổ sung chi thường xuyên	7.188	207	80	855	68	118	263	76	59	47	42	1.084	168	264	570	321	166	279	415	42	119	94	510	71	344	61	331	23	80	433